

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HSST
Ngày: 12/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Quỳnh Anh, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Mai Việt Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: **Lê Văn T**, (Tên gọi khác: Không); Giới tính: nam; Sinh năm 1980, tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Xóm 3B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn C và bà Đào Thị N; Vợ: Chu Lan H; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Nhân thân bị cáo:

+ Bản án số 12/2006/HSST ngày 23/01/2006 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Bản án số 93/2008/HSST ngày 21/7/2008 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Bản án số 85/2014/HSPT ngày 23/10/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 6/8/2021 đến ngày 13/8/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và Tên: **Vũ Văn T1** (Tên gọi khác: Không); Giới tính: nam; Sinh năm 1992, tại Ninh Bình; Nơi ở và nơi ĐKNKKT: Xóm L, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Văn T và bà Đỗ Thị B; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Nhân thân bị cáo:

+ Bản án số 17/2017/HSST ngày 6/06/2017 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt T1 12 tháng tù về tội “ *Cưỡng đoạt tài sản*”.

+ Ngày 16/5/2012 Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

+ Ngày 19/9/2012 ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng.

+ Ngày 19/03/2020 Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 6/8/2021 đến ngày 13/8/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (có mặt).

Bị Hại:

1. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, (Vắng mặt).

2. Anh Đặng Cao Q, sinh năm 1974; địa chỉ: xã P, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

2. Anh Đỗ Việt D, sinh năm 1989; địa chỉ: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt)

3. Anh Phạm Hồng Q1, sinh năm 1982; địa chỉ: xóm 3A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt)

4. Anh Đỗ Văn H2, sinh năm 1990; địa chỉ: thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt)

5. Anh Ngô Đức H3, sinh năm 1982; địa chỉ: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt)

6. Chị Chu Lan H, sinh năm 1978; địa chỉ: xóm 3B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Tiến có mối quan hệ quen biết với Vũ Văn T1. Để có tiền chi tiêu cá nhân Tiến đã rủ Thương đi trộm cắp điện thoại di động và các tài sản khác của lái xe đường dài nghỉ đêm trên

tuyến đường vành đai qua thành phố N, ngoài ra Lê Văn T còn có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể như sau.

Hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của Lê Văn T và Vũ Văn T1:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/6/2021, Lê Văn T gọi điện thoại rủ Vũ Văn T1 đi trộm cắp tài sản, T1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen biển kiểm soát 35B1 - 5...79 từ nhà đến đón T2 đi lên khu vực thành phố N tìm tài sản trộm cắp. Khi đến ngã 4 đường Trần Nhân Tông và Nguyễn Công Trứ, T2 điều khiển xe rẽ trái đi về hướng đường Trần Nhân Tông hướng về ngã 4 Cầu Vòm. Khi đến khu vực cây xăng H số 2, thuộc phố T, phường N, thành phố N, Tiến phát hiện xe ô tô Contener mang biển kiểm soát 77C - 16..33 do anh Đặng Cao Q, sinh năm 1974, trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định đang đỗ ở bãi xe khu vực phía trước cây xăng H số 2. Sau khi quan sát, T điều khiển xe đi vào đường giáp cây xăng và nói với T1 “*đứng ngoài đợi T vào xe ô tô tìm điện thoại để trộm cắp*”, T2 hiểu ý T nói ở lại trông xe và quan sát cảnh giới để T đến xe ô tô biển kiểm soát 77C - 16..33 tìm cách trộm cắp điện thoại. Sau đó T đi bộ lại gần xe ô tô quan sát, rồi đi đến cửa bên ghế lái dùng “vạm” phá khóa chuẩn bị từ trước để mở cửa xe nhưng không được. Sau đó, T đi qua đầu xe sang cửa xe bên ghế phụ tiếp tục dùng “vạm” chọc vào ổ khóa và mở được khóa cửa xe rồi trèo lên cabin xe tìm tài sản, lúc này anh Đặng Cao Q đang nằm ngủ ở ghế phía sau. T phát hiện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6s màu đen lắp sim 0966.004.355 của anh Q đang để ở giỏ sau ghế lái, T lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần, rồi tiếp tục mở hộp đựng đồ bên ghế phụ của xe ra tìm kiếm tài sản thì phát hiện có một chiếc ví màu xanh, đỏ, đen (màu rắn ri), T mở ví thấy bên trong có tiền lúc này T xác định sẽ lấy hết số tiền trên không nói cho T1 biết, rồi T lấy hết tiền bỏ vào túi quần và để ví ở lại ghế phụ và nhanh chóng xuống xe đóng cửa tàu thoát. Khi ra chỗ T1 đứng đợi, T nói với T1 lấy trộm được 01 chiếc điện thoại Samsung J6s màu đen còn số tiền T không nói cho T1 biết nên T1 không biết T trộm cắp được cả tiền trên xe ô tô của anh Q, rồi T tháo sim điện thoại vứt ở đường. Sau đó T chờ T1 đi về nhà và đi về nhà mình đếm số tiền trộm cắp trên xe ô tô của anh Q được 20.000.000 đồng. Đến sáng cùng ngày T mang điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6s màu đen trộm cắp được bán cho cửa hàng điện thoại “Quân Mobile” do anh Phạm Hồng Q1 sinh năm 1982, trú tại xóm 3A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình làm chủ với giá 800.000 đồng, số tiền bán điện thoại được T và T1 đã tiêu sài hết. Sau khi mua được điện thoại của T, ngày 05/7/2021 anh Q1 bán lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6s màu đen cho anh Đỗ Việt D sinh năm 1989, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 1.200.000 đồng. Sau khi mua điện thoại của anh Q1, anh D bán lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6s cho anh Phạm Quốc V, sinh năm 1993, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá

1.750.000 đồng. Ngay sau khi phát hiện bị kẻ gian trộm cắp tài sản anh Đặng Cao Q đã trình báo Công an thành phố N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6s, màu đen, có giá trị 1.800.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 19/7/2021, T tiếp tục gọi điện rủ T1 đi trộm cắp tài sản, T1 đồng ý. Rồi T điều khiển xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen biển kiểm soát 35B1 - 5...79 đến nhà đón T1 lên thành phố N tìm tài sản trộm cắp khi đi đến khu vực cây xăng H số 2, thuộc phố T, phường N, thành phố N, T điều khiển xe mô tô rẽ vào đường bên hông cây xăng, phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 99C- 10..12 do anh Phạm Văn H1 sinh năm 1993, trú tại xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh điều khiển đang đậu đỗ trước cổng Công ty A, T đổi lái cho T1 điều khiển đến gần xe ô tô, nhìn thấy cửa kính bên ghế lái mở có thể chui người vào được T bảo T1 lùi xe lại, T1 đứng giữ xe và quan sát cảnh giới để T đứng lên yên xe quan sát thấy lái xe là anh H1 đang nằm ngủ trên ghế, sau đó T chui người qua cửa kính vào trong xe, hai chân đứng trên yên xe để tìm tài sản trộm cắp. Khi chui đầu vào trong cabin xe T phát hiện có hộp đựng khẩu trang để trên Táp Lô trước vô lăng của xe, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh lấp sim 0972.871.050 và nhiều tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 20.000 đồng, T lấy bỏ hết vào túi quần. Sau khi T lấy được điện thoại và tiền trong cabin xe ô tô của anh H1 thì T1 điều khiển xe chở T đi được khoảng 100 m thì dừng lại đổi lái đồng thời T lấy điện thoại và tiền vừa trộm cắp được trên xe anh H ra kiểm tra thì đếm được số tiền 300.000 đồng T đưa cho T1 cầm, còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh T cầm và tháo sim rút ở đường. Sau đó T điều khiển xe chở T1 đi về, trên đường về nhà T làm rơi chiếc vạm phá khóa, không xác định được rơi ở đâu. Đến ngày 22/7/2021, T mang điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh đến bán cho anh Phạm Hồng Q1 với giá 7.500.000 đồng, số tiền bán điện thoại T và T1 đã tiêu sài hết. Sau khi mua điện thoại của T, anh Q1 cất giữ tại cửa hàng điện thoại của mình. Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản đến ngày 06/8/2021 anh Phạm Văn H1 đã trình báo Công an thành phố N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐ ngày 09/8/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh có giá trị 19.032.000 đồng.

Ngoài ra quá trình điều tra Lê Văn T và Vũ Văn T1 còn khai nhận: Khoảng 01 giờ 30 ngày 16/7/2021, T gọi điện rủ T1 đi trộm cắp tài sản T1 đồng ý, Tiến điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen biển kiểm soát 35B1 - 5...79 đến đón T1 và đi lên thành phố N để trộm cắp tài sản. T chở T1 đi đến đoạn đường vành đai thuộc thôn V, xã N, thành phố N gần cảng P thì phát hiện thấy xe ô tô biển số 37 (cả T

và T1 không nhớ cụ thể biển kiểm soát bao nhiêu) đang đỗ ở lề đường hướng về thành phố N, T dừng xe trong ngõ đối diện rồi bảo T1 ở lại quan sát cảnh giới còn T đi đến gần xe ô tô tìm tài sản trộm cắp. Cũng bằng phương thức thủ đoạn như ngày 22/6/2021, T đã dùng vạm mở được cửa xe bên ghế lái trộm cắp được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54 màu đen để bên ghế phụ và một số tiền để ở sau ghế lái. Khi ra xe T nói với T1 trộm được chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A54, màu đen còn số tiền T không nói cho T1 biết và T chở T1 đi về nhà, khi về nhà T đếm số tiền trộm cắp được 43.000.000 đồng. Ngày 17/7/2021, T mang điện thoại lên khu vực thị trấn Y, huyện Y cầm cố chiếc điện thoại hiệu Oppo A54 (Tiền không nhớ cầm cố ở cửa hàng nào) với số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó, T gặp T1 và đưa cho T1 số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 20/7/2021, T đến quán điện thoại của anh Phạm Hồng Q1 hỏi anh Q1 có mua điện thoại Oppo A54 không, khi Q1 đồng ý mua, thì T đi lấy điện thoại nhãn hiệu Oppo A54 về bán cho Q1 với giá 2.630.000 đồng, Q1 có đưa thêm cho T số tiền 40.000 đồng (tiền Tiền đi xe ôm lấy điện thoại) số tiền trộm cắp được T đã tiêu sài hết. Ngày 29/7/2021, anh Q1 bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A54 cho anh Đỗ Văn H2, sinh năm 1990, trú tại Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 2.900.000 đồng. Sau đó, anh H2 bán lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A54 cho anh Ngô Đức H3, sinh năm 1982, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 3.200.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tiến hành thông báo, rà soát, xác minh người bị hại của vụ việc nhưng đến nay chưa xác định được ai là bị hại nên đã tách phần tài liệu liên quan của vụ trộm cắp ngày 16/7/2021 tại khu vực đường vành đai thuộc thôn V, xã N, thành phố N cùng vật chứng đã thu giữ là chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A54 để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ sau.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác minh tại cửa hàng điện thoại của anh Phạm Hồng Q1 sinh năm 1982, trú tại xóm 3A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, anh Q1 xác định sáng ngày 22/6/2021 có mua một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6S màu đen của Lê Văn T sinh năm 1980 trú tại xóm 3, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 800.000 đồng. Sau đó anh Q1 bán lại cho anh Đỗ Việt D với giá 1.200.000 đồng.

Căn cứ lời khai của anh Q1 cùng các tài liệu đã thu thập cơ quan điều tra đã triệu tập Lê Văn T để làm việc đồng thời tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Văn T tại xóm 3B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình: thu giữ tại phòng ngủ tầng 2: 01 hộp kim loại kích thước (9x8,5) cm trên bề mặt có ghi chữ “Thăng long 1000 năm” bên trong hộp có 01 túi ni lon kích thước (2x1,5) cm bên trong túi có chứa 02 cục chất bột màu trắng; 01 giấy bạc kích thước (7x4,5) cm bề ngoài bị đốt cháy bán dính muội than màu đen trên bề mặt có chất bột dạng cục; 01 dao lam được gói trong giấy; 01 đèn pin màu đen có chữ “HUOYI” hình trụ tròn, kích thước (10x2)cm; 01 bình xịt bằng kim loại, hình trụ tròn, màu xanh, mặt ngoài được quấn băng dính màu đen kích thước

(15x3,5)cm; 01 kim băng kim loại, chuỗi bọc cao su màu xanh, dài 12cm; 01 căn cước công dân số 031080005038 mang tên Lê Văn T, cấp ngày 19/11/2019; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A32, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh lắp sim số 0918.046.580; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, lắp sim số 0941.960.562; 01 túi đựng áo mưa màu vàng có mác áo mưa “Thảo kiên áo siêu nhẹ một đầu”, kích thước (27x19,5)cm; Số tiền 1.000.000 đồng. T khai nhận 01 túi ni lon kích thước (2x1,5) cm bên trong túi có chứa 02 cục chất bột màu trắng; 01 giấy bạc kích thước (7x4,5) cm bề ngoài bị đốt cháy bán dính muội than màu đen trên bề mặt có chất bột dạng cục là ma túy Heroine T mua về cất giấu để sử dụng cho bản thân. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ niêm phong các vật chứng nêu trên theo quy định của pháp luật và đưa T về trụ sở cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N để làm việc. Tại Cơ quan điều tra Lê Văn T đã xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản ngày 22/6/2021, ngày 19/7/2021 cùng Vũ Văn T1.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã triệu tập đồng thời khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn T1 sinh năm 1992 ở Xóm L, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, thu giữ của T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu trắng lắp sim 0846.456.135; 01 căn cước công dân số 0370.9200.2868 mang tên Vũ Văn T1, cấp ngày 08/12/2017. Tại cơ quan điều tra T1 đã xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng Lê Văn T.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của anh Phạm Hồng Q1 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh là điện thoại Lê Văn T, Vũ Văn T1 trộm cắp ngày 19/7/2021 của anh Phạm Văn H1 sau đó T mang bán cho anh Q1; Thu giữ của Phạm Quốc V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6s, màu đen là điện thoại Lê Văn T, Vũ Văn T1 trộm cắp của anh Đặng Cao Q ngày 22/6/2021 sau đó T mang bán cho anh Q1, anh Q1 bán lại cho anh Đỗ Việt D, anh D bán lại chiếc điện thoại cho anh Phạm Quốc V; Thu giữ của anh Ngô Đức H3 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, màu đen là điện thoại T và T1 khai nhận trộm cắp trên xe ô tô dừng đỗ ở khu vực đường vành đai thuộc thôn V, xã N, thành phố N ngày 16/7/2021 sau đó T mang bán cho anh Q1, anh Q1 bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A54 cho anh Đỗ Văn H2, anh H2 bán lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A54 cho anh Ngô Đức H3.

Thu giữ của chị Chu Lan H 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039122 mang tên Chu Lan H, địa chỉ xóm 3B, K, Y, Ninh Bình, số máy 057263, số khung 057241, nhãn hiệu Yamha Sirius, màu trắng đen, mang Biển kiểm soát 35B1-5...79 cấp ngày 17/10/2013; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamha Sirius, màu trắng đen mang biển kiểm soát 35B1- 5...79 là xe T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Tại cơ quan điều tra Lê Văn T, Vũ Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp của mình như đã nêu.

Hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Lê Văn T:

Khoảng 16 giờ ngày 05/8/2021, do có nhu cầu sử dụng ma túy Lê Văn T đi bộ ra ngã tư xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình mục đích để đi xuống khu vực huyện K, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy Heroine về để sử dụng cho bản thân thì gặp một người thanh niên tên là Tuấn ở xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đi qua rồi T xin đi nhờ xe xuống khu vực huyện K, tỉnh Ninh Bình, Tuấn đồng ý và dùng xe mô tô chở T đi xuống huyện K (Tiền không nhớ đặc điểm xe mô tô Tuấn). Khi đến một quán phở ở huyện K (T không nhớ rõ địa chỉ) Tuấn dừng lại cho T xuống xe, T đi bộ thì gặp một người không quen biết trông giống người nghiện ma túy, T hỏi có biết chỗ nào bán ma túy thì người này giới thiệu và chỉ T đến nhà một người đàn ông tên Quý ở huyện K (T không rõ họ tên đệm, năm sinh, địa chỉ của Quý). Sau đó T đi bộ đến nhà của người tên Quý để mua ma túy. Đến nơi T thấy đóng cổng nên gọi vào bên trong nói “bán cho 200.000 đồng Heroine” lúc này T nhìn qua lỗ nhỏ trên cửa cổng thấy có dáng người đàn ông đi ra nên lấy 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng đưa qua lỗ cửa, người đàn ông này nhận tiền và đưa qua lỗ cửa cho T 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng. T dùng tay phải cầm gói ma túy và đi ra rồi dùng 01 chiếc dao lam mang theo trong người cắt một ít ma túy ra bỏ vào mảnh giấy bạc và sử dụng bằng hình thức hít. Số ma túy còn lại T để trong túi nilon màu trắng rồi bỏ vào túi quần bên phải của T và đi bộ ra quán phở để người thanh niên tên Tuấn chở về nhà. Quá trình đi về T không nói cho Tuấn biết việc đi mua ma túy Heroine và đang cất giấu ma túy trong người. Khi về đến nhà T cất giấu gói ma túy Heroine vừa mua cùng mảnh giấy bạc T đã sử dụng ma túy và chiếc dao lam vào trong 01 hộp kim loại có chữ “Thăng Long 1000 năm” tại phòng ngủ tầng 2 nhà mình để sử dụng cho bản thân. Đến 7 giờ 30 phút ngày 06/8/2021, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N triệu tập T để làm việc do liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 22/6/2021 tại địa bàn thành phố N đồng khởi khám xét khẩn cấp nơi ở của T đã phát hiện thu giữ số ma túy nói trên. Sau khi thu giữ cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong theo đúng quy định của pháp luật.

Tiến hành cân xác định khối lượng 02 cục chất bột màu trắng thu giữ của Lê Văn T có khối lượng là 0,175 gam được cho vào túi nilon ký hiệu M1; 01 giấy bạc kích thước (4,5x7)cm bề ngoài bị đốt cháy bám dính muội than màu đen trên mặt có chất bột dạng cục được cho vào túi nilon ký hiệu M2. Mẫu M1, M2 được niêm phong theo đúng quy định gửi đi giám định để xác định loại ma túy, khối lượng chất ma túy?

Tại bản Kết luận giám định số 626/KLGD-PC09-MT ngày 16/8/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1716 gam là ma túy loại Heroine;

mẫu chất bột màu trắng bám dính trên mảnh giấy bạc gửi giám định ký hiệu M2 là ma túy loại Heroine (lượng Heroine bám dính ít, không xác định được khối lượng). Heroine là chất ma túy thuộc bảng danh mục I số thứ tự 9; nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1254 gam là ma túy loại Heroine; mảnh giấy bạc còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2; toàn bộ vỏ bao gói niêm phong. Tất cả được niêm phong trong phong bì “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” có ghi số 626/KLGD-PC09-MT.

Do hành vi cất giấu 0,1716 gam ma túy loại Heroine ngày 6/8/2021 của Lê Văn T nhằm mục đích sử dụng xảy ra trên địa bàn huyện Y, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y nên ngày 24/8/2021 cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N đã chuyển tin báo trên đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y giải quyết theo quy định. Ngày 26/8/2021 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 31/8/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ra quyết định chuyển vụ án hình sự đến cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N để điều tra theo thẩm quyền. Ngày 02/9/2021 cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N đã ra quyết định nhập vụ án hình sự để điều tra theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 29/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố: Đối với Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS) và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Đối với Vũ Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Quá trình điều tra các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ ngày 22/7/2021 và số 52/KL-HĐ ngày 09/8/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; Bị cáo Lê Văn T không có ý kiến hay khiếu nại gì bản kết luận giám định số 626/KLGD-PC09-MT ngày 16/8/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Vũ Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 55 BLHS; xử phạt Lê Văn T từ 24 đến 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 15 đến 18 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là từ 39 đến 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; xử phạt Vũ Văn T1 từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/8/2021.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho anh Đặng Cao Q số tiền 20.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS);

- Tịch thu tiêu hủy chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1254 gam là ma túy loại Heroine; mảnh giấy bạc còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2; toàn bộ vỏ bao gói niêm phong. Tất cả được niêm phong trong phong bì “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” có ghi số 626/KLGD-PC09-MT do cơ quan giám định hoàn trả lại.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin màu đen có chữ “HUOYI” hình trụ tròn, kích thước (10x2)cm; 01 bình xịt bằng kim loại, hình trụ tròn, màu xanh, mặt ngoài được quấn băng dính màu đen kích thước (15x3,5)cm; 01 kìm bằng kim loại, chuôi bọc cao su màu xanh, dài 12cm; 01 túi đựng áo mưa màu vàng có mác áo mưa “Thảo kiên áo siêu nhẹ một đầu”, kích thước (27x19,5)cm; 01 hộp kim loại kích thước (9x8,5) cm trên bề mặt có ghi chữ “Thăng long 1000 năm”, 01 dao lam được gói trong giấy.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh, lắp sim số 0918.046.580; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, lắp sim số 0941.960.562 thu giữ của Lê Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 lắp sim 0846.456.135 thu giữ của Vũ Văn T1.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T số tiền 1.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Các biện pháp tư pháp: Buộc Lê Văn T nộp lại số tiền 4.150.000^d, Vũ Văn T1 nộp lại số tiền 4.450.000^d để sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định. Bị cáo T1 phải chịu án phí hình sự theo quy định

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Biên bản sự việc; Biên bản thu giữ niêm phong vật chứng; kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ ngày 22/7/2021 và số 52/KL-HĐ ngày 09/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; kết luận giám định số 626/KLGD-PC09-MT ngày 16/8/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận:

- Về hành vi trộm cắp tài sản của Lê Văn T và Vũ Văn T1: Trong các ngày 22/6/2021 và ngày 19/7/2021 Lê Văn T đã 02 lần cùng Vũ Văn T1 đi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố N, cụ thể:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/6/2021 tại khu vực cây xăng H số 2, thuộc phố T, phường N, thành phố N. Lợi dụng anh Đặng Cao Q ngủ trên xe ô tô Contener Biển kiểm soát 77C-16..33 Lê Văn T lén lút mở cửa xe ô tô trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6s màu đen trị giá 1.800.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng của anh Q. Tổng giá trị tài sản Lê Văn T đã chiếm đoạt của anh Đặng Cao Q là 21.800.000 đồng. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản T bảo T1 đứng ngoài quan sát cảnh giới để T vào xe ô tô của anh Q tìm điện thoại trộm cắp, T1 hiểu ý và đứng đợi còn T đột nhập vào cabin xe của anh Q trộm cắp được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J6s trị giá 1.800.000 đồng, đối với số tiền 20.000.000 đồng khi T lục soát trong ví của anh Q thì T xác định chiếm đoạt một mình không nói cho T1 biết. Sau khi đã trộm cắp được điện thoại và tiền của anh Q, T đi ra chỗ T1 đợi nói trộm cắp được 01 chiếc điện thoại, không nói trộm cắp được tiền nên T1 chỉ biết T trộm cắp được điện thoại như T đã nói trước khi trộm cắp. Do đó Vũ Văn T1 chỉ phải chịu trách nhiệm đồng phạm với T về hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6S trị giá 1.800.000 đồng. Bản thân Vũ Văn T1 không có tiền án, tiền sự về các hành vi, các tội chiếm đoạt tài sản. Do đó hành vi trộm cắp ngày 22/6/2021 của Vũ Văn T1 cùng Lê Văn T không cấu thành tội phạm. Công an thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền

1.500.000 đồng đối với Vũ Văn T1 về hành vi trộm cắp tài sản ngày 22/6/2021 là có căn cứ;

Khoảng 01 giờ ngày 19/7/2021 tại khu vực cây xăng H số 2, thuộc phố T, phường N, thành phố N lợi dụng anh Phạm Văn H1 ngủ trên xe ô tô biển kiểm soát 99C-10..12, Lê Văn T, Vũ Văn T1 đã lén lút trộm cắp số tiền 300.000 đồng cùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, Pro Max màu xanh có giá trị 19.032.000 đồng trên xe ô tô biển kiểm soát của anh Hiệp. Tổng giá trị tài sản Tiến và Thương chiếm đoạt của anh Hiệp là 19.332.000 đồng.

- Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Văn T: hồi 7 giờ 30 phút ngày 06/8/2021 tại nhà của mình ở xóm 3B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Lê Văn T có hành vi cất giấu trái phép 0,1716 gam ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N kiểm tra phát hiện (Heroine là chất ma túy thuộc bảng danh mục I số thứ tự 9; nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định danh mục chất ma túy).

Hành vi các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đối với Lê Văn T và Vũ Văn T1 đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra Lê Văn T còn xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Văn T và Vũ Văn T1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; Hành vi cất giữ trái phép 0,1716 gam ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng của bị cáo Lê Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Về hành vi trộm cắp tài sản, có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện, hành vi phạm tội của các bị cáo không có tính chất tổ chức. Để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt tù về các tội chiếm đoạt tài sản nhưng khi về địa phương sinh sống, các bị cáo không chịu tu trí làm ăn lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo; đối với Lê Văn T là người khởi sướng rủ Vũ Văn T1 đi trộm cắp tài sản, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản; do đó, bị cáo T có vai trò đầu vụ; đối với bị cáo T1 thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, do đó bị cáo có vai trò sau bị cáo T.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; khi bị triệu tập lên cơ quan Công an làm việc, các bị cáo đã đầu thú hành vi phạm tội của bản thân. Vì vậy, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với Lê Văn T do bị xét xử về 02 tội; vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội.

Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo T tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích vụ lợi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J6s màu đen Lê Văn T, Vũ Văn T1 trộm cắp cho anh Đặng Cao Q; Đối với 01 sim số 0966.004.355 lắp trong máy điện thoại bị T và T1 trộm cắp sau đó T đã vứt sim đi anh Q xác định sim không có giá trị, anh Q đã làm lại sim nên không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu cơ quan điều tra định giá tài sản; Đối với ổ khóa của hai cánh cửa xe ô tô bị T cậy phá khi trộm cắp anh Q xác định không bị hư hỏng vẫn sử dụng bình thường nên anh Q không yêu cầu bồi thường, vì vậy HĐXX cần ghi nhận. Đối với số tiền 20.000.000 đồng Lê Văn T trộm cắp đã tiêu xài hết anh Q yêu cầu T phải bồi thường, do đó cần chấp nhận và buộc Lê Văn T bồi thường số tiền trên cho anh Q theo quy định tại Điều 48 BLHS, các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu xanh thu giữ của anh Phạm Hồng Q1 là tài sản Lê Văn T, Vũ Văn T1 trộm cắp của anh Phạm Văn H1 mang bán cho anh Q1. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Phạm Văn H1 cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H1, anh H1 đã nhận lại và không yêu cầu đề nghị bồi thường; đối với số sim 0972.871.050 lắp trong máy điện thoại bị trộm cắp sau đó T đã vứt sim đi anh H1 xác định sim không có giá trị, anh H1 đã làm lại sim nên không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu cơ quan điều tra định giá tài sản; số tiền 300.000 đồng T và T1 trộm cắp anh H1 cũng không yêu cầu bồi thường, vì vậy HĐXX cần ghi nhận.

- Đối với anh Phạm Hồng Q1 là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu samsung galaxy j6s màu đen của Lê Văn T với giá 800.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động iphone 11 pro max màu xanh với giá 7.500.000 đồng; 01 chiếc điện

thoại Oppo A54 với giá 2.630.000 đồng anh Q1 không yêu cầu T bồi thường, vì vậy HĐXX cần ghi nhận.

- Đối với anh Đỗ Việt D sinh năm 1989, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy j6s với giá 1.200.000 đồng của anh Q1. Sau khi mua điện thoại của Q1, anh D bán lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6s cho anh Phạm Quốc V, sinh năm 1993, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 1.750.000 đồng sau đó anh Việt giao nộp lại cho cơ quan điều tra. Quá trình điều tra anh Q1 đã trả lại tiền cho anh D, anh D trả lại tiền cho anh V và những người này không có yêu cầu đề nghị gì khác, vì vậy HĐXX không xét.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54 Lê Văn T trộm cắp ngày 16/7/2021 mang bán cho anh Phạm Hồng Q1 với giá 2.630.000 đồng sau đó anh Q1 bán chiếc điện thoại OPPO A54 cho anh Đỗ Văn H2, sinh năm 1990, trú tại Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 2.900.000 đồng. Sau đó, H2 bán lại chiếc điện thoại OPPO A54 cho anh Ngô Đức H3, sinh năm 1982, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 3.200.000 đồng. Anh H3 giao nộp lại chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra, quá trình điều tra anh Q1 đã trả lại tiền cho anh H2, anh H2 trả lại tiền cho anh H3 những người trên không có yêu cầu đề nghị gì khác, vì vậy HĐXX không xét.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Số tiền các bị cáo trộm cắp của anh Phạm Văn H1 là 300.000 đồng T đưa cho T1 cầm, T1 tiêu sài cá nhân hết do vậy cần buộc T1 nộp lại để sung công quỹ nhà nước. Số tiền 800.000 đồng bán điện thoại Samsung galaxy J6s trộm cắp được của anh Q và số tiền 7.500.000 đồng bán điện thoại di động iphone 11 pro max màu xanh của anh Phạm Văn H1 tổng cộng $(800.000^d + 7.500.000^d) = 8.300.000^d$, các bị cáo đều khai nhận đã cùng nhau tiêu sài hết; do đó cần buộc các bị cáo nộp lại để sung công quỹ Nhà nước theo phần mỗi bị cáo 4.150.000^d.

- Đối với số tiền 1.000.000^d thu giữ của Lê Văn T khi khám xét, quá trình điều tra T khai là tiền của T không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo T.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1254 gam là ma túy loại Heroine; mảnh giấy bạc còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2; toàn bộ vỏ bao gói niêm phong. Tất cả được niêm phong trong phong bì “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” có ghi số 626/KLGD-PC09-MT do cơ quan giám định hoàn trả là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 đèn pin màu đen có chữ “HUOYI” hình trụ tròn, kích thước (10x2)cm; 01 bình xịt bằng kim loại, hình trụ tròn, màu xanh, mặt ngoài được quấn băng dính màu đen kích thước (15x3,5)cm; 01 kìm bằng kim loại, chuôi bọc cao su màu xanh, dài 12cm; 01 túi đựng áo mưa màu vàng có móc áo mưa “Thảo kiên áo

siêu nhẹ một đầu”, kích thước (27x19,5)cm; 01 hộp kim loại kích thước (9x8,5) cm trên bề mặt có ghi chữ “Thăng long 1000 năm”, 01 dao lam được gói trong giấy, thu giữ của Lê Văn T là công cụ T sử dụng để đi trộm cắp tài sản cũng như sử dụng ma túy, không có giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh, lắp sim số 0918.046.580; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, lắp sim số 0941.960.562 thu giữ của Lê Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 lắp sim 0846.456.135 thu giữ của Vũ Văn T1 các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau đi trộm cắp tài sản, do đó cần tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54 Lê Văn T trộm cắp ngày 16/7/2021 tại khu vực cảng P thuộc thôn V, xã N, thành phố N; Tiến mang bán cho anh Phạm Hồng Q1 với giá 2.630.000 đồng sau đó anh Q1 bán chiếc điện thoại OPPO A54 cho anh Đỗ Văn H2, sinh năm 1990, trú tại Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 2.900.000 đồng. Sau đó, H2 bán lại chiếc điện thoại OPPO A54 cho anh Ngô Đức H3, sinh năm 1982, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình với giá 3.200.000 đồng. Anh H3 giao nộp lại chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra, quá trình điều tra anh Q1 đã trả lại tiền cho anh H2. Do chưa xác định được bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N tách ra và bảo quản tại kho vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định.

- Đối với 01 căn cước công dân số 031080005038 mang tên Lê Văn T, cấp ngày 19/11/2019; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A32, màu xanh, máy không có thẻ sim thu giữ của Lê Văn T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Chu Lan H (vợ của T) được T ủy quyền nhận lại tài sản là phù hợp.

- Đối với 01 căn cước công dân số 037092002868 mang tên Vũ Văn T1, cấp ngày 08/12/2017 đã thu giữ của T1 không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đỗ Thị B (mẹ của T1) được T1 ủy quyền nhận lại tài sản là phù hợp.

- Đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039122 mang tên Chu Lan H, địa chỉ xóm 3B, K, Y, Ninh Bình, số máy 057263, số khung 057241, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, mang biển kiểm soát 35 B1- 5...79 cấp ngày 17/10/2013; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, mang biển kiểm soát 35 B1- 5...79 thu giữ của chị Chu Lan H - vợ của T. Quá trình điều tra T khai nhận sử dụng chiếc xe mô tô trên của chị H làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, nhưng chị H không biết, đây là tài sản riêng của chị H. Tiến hành làm việc với chị H, chị H khai nhận đây là tài sản riêng của chị H mua để làm phương tiện đi lại, số tiền mua xe là do chị H tiết kiệm riêng cũng như được bà Nguyễn Thị L sinh năm 1954 trú

tại xóm 3B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là di ruột) cho Tiền để mua xe, việc T sử dụng xe mô tô sau đó làm phương tiện đi trộm cắp tài sản chị H không biết. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe mô tô cùng giấy tờ xe cho chị H là phù hợp.

- Đối với anh Phạm Hồng Q1 là chủ cửa hàng điện thoại, quá trình mua điện thoại của Lê Văn T, anh Q1 không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có, khi bán điện thoại thì T có nói điện thoại của mình do không có nhu cầu sử dụng thì mang đi bán và điện thoại của bạn nhờ mang đi bán hộ. Hành vi của anh Q1 không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, anh Q1 đã tự giác giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, Pro Max đã mua của T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N. Anh Phạm Hồng Q1 không yêu cầu Lê Văn T hoàn trả lại số tiền mà anh Q1 đã trả cho T khi mua điện thoại. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N không đặt vấn đề xử lý đối với anh Phạm Hồng Q1.

- Về nguồn gốc số ma túy, quá trình điều tra T khai nhận mua của một người đàn ông tên Quý ở khu vực huyện K, tỉnh Ninh Bình, T đưa tiền mua ma túy qua lỗ cửa cổng nên không biết đặc điểm của Quý, không nhớ được địa chỉ nhà của Quý. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N không có đủ căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

- Đối với người thanh niên tên Tuấn là người T khai ngày 5/8/2021 chở T xuống khu vực huyện K, tỉnh Ninh Bình sau đó Tuấn ngồi đợi ở quán phở còn T đi mua ma túy. Quá trình điều tra T khai gặp ở đường và xin đi nhờ xe xuống K và biết tên Tuấn ở xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Cơ quan điều tra đã xác minh người thanh niên tên Tuấn như T khai nhưng không có kết quả, đồng thời T khai người thanh niên tên Tuấn cũng không biết T đi mua ma túy và cất giấu ma túy trong người nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh điều tra làm rõ

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định; bị cáo T phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Lê Văn T;

- Khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Vũ Văn T1.

- Các điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Khoản 2 các điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; các điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Vũ Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 39 (ba mươi chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2021.

1.2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho anh Đặng Cao Q số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ghi số 626/KLGD-PC09-MT; 01 phong bì bên ngoài ghi: vỏ túi nilon, hộp kim loại, giao lam ký hiệu C; 01 đèn pin; 01 bình xịt; 01 kim băng kim loại; 01 túi đựng áo mưa.

3.2. Tịch thu sung công quỹ nhà nước 03 điện thoại.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/12/2021 giữa Cơ quan CSĐT công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình).

4. Các biện pháp tư pháp:

4.1. Buộc Lê Văn T nộp lại số tiền 4.150.000^d để sung công quỹ Nhà nước.

4.2. Buộc Vũ Văn T1 nộp lại số tiền 4.450.000^d để sung công quỹ Nhà nước.

4.3. Trả lại cho Lê Văn T số tiền 1.000.000^d (số tiền 1.000.000^d hiện đang ở tài khoản 3949.0.1055126.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình theo ủy nhiệm chi số 198 lập ngày 29/12/2021).

5. Án phí

5.1. Án phí hình sự sơ thẩm: buộc các bị cáo Lê Văn T và Vũ Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d.

5.2. Án phí dân sự: buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 1.000.000^d.

6. Quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh H1, anh Q1, anh V1, anh D1, anh Q1, anh H2, anh H3, vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA. DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

